|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GD & ĐT QUẢNG NAM**TRƯỜNG THPT NGUYỄN HIỀN | **KỲ THI THPT QUỐC GIA NĂM 2020****MÔN ĐỊA LÝ - KHỐI LỚP 12** *Thời gian làm bài : 45 Phút; (Đề có 40 câu)* |
|  |
| **ĐỀ THI THAM KHẢO** *(Đề có 7 trang)* |
| Họ tên : ............................................................... Số báo danh : ................... | **Mã đề 601** |
|  |

**Câu 1:**  Loại thiên tai bất thường, khó phòng tránh, xảy ra hàng năm ở vùng ven biển nước ta là

 **A.**  lũ quét. **B.**  bão.

 **C.**  động đất. **D.**  sương muối.

**Câu 2:**  Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết khu kinh tế ven biển Nghi Sơn thuộc tỉnh thành nào sau đây ở Bắc Trung Bộ?

 **A.**  Hà Tĩnh. **B.**  Thừa Thiên - Huế.

 **C.**  Thanh Hóa. **D.**  Quảng Bình.

**Câu 3:**  Quốc gia nào sau đây của khu vực Đông Nam Á **không** giáp biển?

 **A.**  Thái Lan. **B.** Đông-ti-mo. **C.**  Mi-an-ma. **D.**  Lào.

**Câu 4:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết gió mùa mùa đông hoạt động ở nước ta có hướng nào sau đây?

 **A.** Đông Nam. **B.** Đông Bắc. **C.** Tây Bắc. **D.** Tây Nam.

**Câu 5:**  Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 30, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây **không** thuộc Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam?

 **A.**  Quy Nhơn. **B.**  Biên Hòa. **C.**  Thủ Dầu Một. **D.**  Vũng Tàu.

**Câu 6:** Nhận định nào sau đây không phải là đặc điểm nguồn lao động nước ta?

 **A.** Nguồn lao động gia tăng nhanh. **B.** Phân bố lao động tương đối đều.

 **C.** Nguồn lao động dồi dào. **D.** Trình độ lao động còn thấp.

**Câu 7:**  Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 25, cho biết trung tâm du lịch nào sau đây của nước ta là trung tâm du lịch vùng?

 **A.**  Huế - Đà Nẵng. **B.**  Hà Nội.

 **C.**  Nha Trang. **D.**  TP Hồ Chí Minh.

**Câu 8:**  Khu vực nào sau đây ở Đông Nam Á có mật độ dân số rất thấp?

 **A.**  Các vùng ven biển. **B.**  Các vùng núi cao.

 **C.**  Vùng đất đỏ bazan. **D.**  Đồng bằng châu thổ.

**Câu 9:**  Căn cứ vào Átlat Địa lí Việt Nam trang 22, hãy cho biết trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nào dưới đây có quy mô rất lớn?

 **A.**  Thủ Dầu Một. **B.**  Hà Nội.

 **C.**  Hải Phòng. **D.**  Biên Hòa.

**Câu 10:**  Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết đường số 27 nối Đà Lạt với nơi nào sau đây?

 **A.**  Phan Rang - Tháp Chàm. **B.**  Phan Thiết.

 **C.**  Nha Trang. **D.**  Tuy Hòa.

**Câu 11:** Căn cứ vào Atlta Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, hãy cho biết tỉnh nào sau đây của nước ta giáp với cả Lào và Trung Quốc?

 **A.** Lai Châu. **B.** Lào Cai. **C.** Hà Giang. **D.** Điện Biên.

**Câu 12:**  Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết tỉnh nào sau đây của Tây Nguyên trồng nhiều cà phê nhất?

 **A.**  Lâm Đồng. **B.**  Đắk Lắk. **C.**  Gia Lai. **D.**  Kon Tum.

**Câu 13:**  Cho biểu đồ:



Biểu đồ trên thể hiện nội dung nào dưới đây?

 **A.**  Quy mô và cơ cấu diện tích lúa phân theo mùa vụ của nước ta, giai đoạn 2005 - 2016.

 **B.**  Tốc độ tăng trưởng diện tích lúa phân theo mùa vụ của nước ta, giai đoạn 2005 - 2016.

 **C.**  Tình hình sản xuất lúa phân theo mùa vụ của nước ta, giai đoạn 2005 - 2016.

 **D.**  Sự chuyển dịch cơ cấu diện tích lúa phân theo mùa vụ của nước ta, giai đoạn 2005 - 2016.

**Câu 14:** Căn cứ vào Atlta Địa lí Việt Nam trang 6 - 7, hãy cho biết dãy núi nào sau đây không có hướng vòng cung?

 **A.** Ngân Sơn. **B.** Tam Điệp. **C.** Sông Gâm. **D.** Bắc Sơn.

**Câu 15:**  Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 26, hãy cho biết tỉnh nào của Trung du và miền núi Bắc Bộ không thuộc tiểu vùng Tây Bắc?

 **A.**  Phú Thọ. **B.**  Sơn La. **C.**  Điện Biên. **D.**  Hòa Bình.

**Câu 16:**  Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 18, cho biết loại cây nào sau đây **không** phải là chuyên môn hóa sản xuất nông nghiệp ở Đông Nam Bộ?

 **A.**  Cao su. **B.**  Điều.

 **C.**  Cà phê. **D.**  Chè.

**Câu 17:**  Cảnh quan thiên nhiên tiêu biểu cho vùng lãnh thổ phía Nam của nước ta là

 **A.**  đới rừng nhiệt đới gió mùa. **B.**  đới rừng xích đạo gió mùa.

 **C.**  đới rừng cận xích đạo gió mùa. **D.**  đới rừng cận nhiệt gió mùa.

**Câu 18:**  Trong sản xuất cây công nghiệp ở Tây Nguyên mùa khô kéo dài là điều kiện thuận lợi để

 **A.**  cây công nghiệp cho năng suất cao. **B.**  cây công nghiệp phát triển nhanh.

 **C.**  phơi sấy và bảo quản sản phẩm. **D.**  chăm sóc và bón phân dễ dàng.

**Câu 19:**  Tác động lớn nhất của đô thị hoá đến phát triển kinh tế của nước ta là

 **A.**  tạo ra sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

 **B.**  thúc đẩy công nghiệp và dịch vụ phát triển.

 **C.**  tạo ra nhiều việc làm cho nhân dân.

 **D.**  tăng cường cơ sở vật chất kĩ thuật.

**Câu 20:**  Tính thất thường của thời tiết và khí hậu nước ta, gây khó khăn nhiều nhất cho hoạt động sản xuất của ngành

 **A.**  Công nghiệp. **B.**  Du lịch. **C.**  Thương mại. **D.**  Nông nghiệp.

**Câu 21:**  Năng suất lúa của nước ta thời gian qua tăng mạnh là do

 **A.**  mở rộng diện tích gieo trồng. **B.**  áp dụng biện pháp quảng canh.

 **C.**  áp dụng các biện pháp thâm canh. **D.**  đẩy mạnh xen canh, tăng vụ.

**Câu 22:**  Thế mạnh nào sau đây **không** phải của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

 **A.**  Phát triển mạnh ngành chăn nuôi gia cầm.

 **B.**  Khai thác và chế biến khoáng sản, thủy điện.

 **C.**  Phát triển tổng hợp kinh tế biển và du lịch.

 **D.**  Trồng cây công nghiệp, rau quả cận nhiệt và ôn đới.

**Câu 23:** Đất Feralit ở nước ta có màu đỏ vàng là do

 **A.** hàm lượng sét, cao lanh trong đất lớn. **B.** phát triển chủ yếu trên đá mẹ bazơ.

 **C.** tích tụ nhiều ôxit sắt và ôxit nhôm. **D.** tiếp nhận nhiều ánh sáng Mặt Trời.

**Câu 24:**  Trong hoạt động sản xuất nông, lâm nghiệp ở Đông Nam Bộ, vấn đề có ý nghĩa hàng đầu là

 **A.**  bảo vệ rừng. **B.**  giống cây trồng.

 **C.**  cải tạo đất. **D.**  thủy lợi.

**Câu 25:**  Ngành du lịch nước ta ngày càng phát triển được thể hiện rõ nhất qua yếu tố

 **A.**  số lượt khách và doanh thu tăng nhanh.

 **B.**  tài nguyên du lịch tự nhiên đa dạng.

 **C.**  có nhiều di tích, lễ hội và làng nghề.

 **D.**  hệ thống nhà nghỉ và khách sạn nhiều.

**Câu 26:**  Về đặc điểm tự nhiên, Đông Nam Á biển đảo khác với Đông Nam Á lục địa ở yếu tố

 **A.**  có các đồng bằng lớn. **B.**  có đảo, quần đảo.

 **C.**  có khí hậu xích đạo. **D.**  có các dãy núi lớn.

**Câu 27:**  Bắc Trung Bộ có khả năng phát triển kinh tế vườn rừng, chăn nuôi gia súc lớn là nhờ có

 **A.**  diện tích đất đai rộng lớn, bằng phẳng.

 **B.**  diện tích vùng đồi núi lớn ở phía tây.

 **C.**  diện tích rừng còn tương đối nhiều.

 **D.**  diện tích vùng gò đồi tương đối lớn.

**Câu 28:**  Cho bảng số liệu

GIÁ TRỊ XUẤT, NHẬP KHẨU CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 - 2017

(Đơn vị: Tỉ đô la Mỹ)

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2012** | **2014** | **2015** | **2017** |
| Xuất khẩu | 72,2 | 114,5 | 150,2 | 162,0 | 214,0 |
| Nhập khẩu | 84,8 | 113,8 | 147,8 | 165,8 | 211,1 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)*

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây đúng về tình hình xuất, nhập khẩu của nước ta, giai đoạn 2010 - 2017?

 **A.**  Giá trị xuất, nhập khẩu liên tục tăng.

 **B.**  Năm 2017, cán cân xuất nhập khẩu dương.

 **C.**  Xuất khẩu tăng nhanh hơn nhập khẩu.

 **D.**  Cán cân xuất nhập khẩu luôn âm.

**Câu 29:**  Nguyên nhân chính gây ra mùa khô ở Nam Bộ và Tây Nguyên là do

 **A.**  hoạt động của Tín phong bán cầu Bắc. **B.**  hoạt động của gió mùa Tây Nam.

 **C.**  hoạt động của gió Phơn tây nam. **D.**  thuộc khu vực cận xích đạo.

**Câu 30:**  Cho bảng số liệu

MỘT SỐ SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 – 2017

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2012** | **2013** | **2014** | **2017** |
| Than sạch *(nghìn tấn)* | 44,8 | 41,1 | 41,1 | 38,7 | 38,2 |
| Dầu thô *(nghìn tấn)* | 15,0 | 16,7 | 17,4 | 17,2 | 15,5 |
| Điện *(triệu kWh)* | 91,7 | 124,4 | 141,3 | 175,7 | 191,6 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam, 2017, NXB Thống kê, 2018)*

Để vẽ biểu đồ thể hiện tốc độ tăng trưởng sản lượng than, dầu thô và điện của nước ta giai đoạn 2010 – 2017, biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

 **A.**  Miền. **B.**  Đường. **C.**  Kết hợp. **D.**  Cột.

**Câu 31:**  Khí hậu và thiên nhiên giữa vùng núi Đông Bắc và Tây Bắc có sự khác nhau là do

 **A.**  độ cao địa hình và lượng mưa.

 **B.**  hướng gió và độ cao địa hình.

 **C.**  hướng núi và độ cao địa hình.

 **D.**  hướng các dãy núi và hướng gió.

**Câu 32:**  Yếu tố nào sau đây là chủ yếu làm cho kim ngạch nhập khẩu của nước ta tăng nhanh trong những năm gần đây?

 **A.**  Nhiều thành phần kinh tế tham gia hoạt động ngoại thương.

 **B.**  Việc hợp tác kinh tế kỹ thuật với các nước được tăng cường.

 **C.**  Đời sống dân cư tăng cao hướng vào hàng nhập ngoại.

 **D.**  Quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa được đẩy mạnh.

**Câu 33:**  Nhân tố nào sau đây là chủ yếu làm cho du lịch biển - đảo nước ta ngày càng phát triển?

 **A.**  Cơ sở vật chất kĩ thuật tốt hơn, nhu cầu du lịch ngày càng tăng.

 **B.**  Dân số đông, lao động trong ngành du lịch dồi dào, đã qua đào tạo.

 **C.**  Khí hậu nhiệt đới, số giờ nắng cao, có đảo, quần đảo, bãi biển đẹp.

 **D.**  Có nhiều bãi tắm rộng, phong cảnh đẹp, giao thông thuận lợi.

**Câu 34:**  Cho bảng số liệu

DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA, NĂM 2017

*(Đơn vị: Triệu người)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Quốc gia** | **In-đô-nê-xi-a** | **Ma-lai-xi-a** | **Phi-lip-pin** | **Thái Lan** |
| Tổng số dân | 264,0 | 31,6 | 105,0 | 66,1 |
| Dân số thành thị | 143,9 | 23,8 | 46,5 | 34,0 |

 *(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)*

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh tỉ lệ dân thành thị của một số quốc gia, năm 2017?

 **A.**  In-đô-nê-xi-a thấp hơn Phi-lip-pin.

 **B.**  Thái Lan thấp hơn Phi-lip-pin.

 **C.**  Ma-lai-xi-a cao hơn In-đô-nê-xi-a.

 **D.**  Thái Lan cao hơn Ma-lai-xi-a.

**Câu 35:**  Vấn đề cấp bách nhất của Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay là

 **A.**  sử dụng, cải tạo tự nhiên.

 **B.**  bảo vệ rừng ngập mặn.

 **C.**  nâng cấp cơ sở hạ tầng.

 **D.**  phân bố lại dân cư.

**Câu 36:**  Cơ cấu kinh tế theo ngành ở Đồng bằng sông Hồng có sự chuyển dịch theo hướng tích cực, chủ yếu do tác động của

 **A.**  tài nguyên thiên nhiên phong phú.

 **B.**  nguồn lao động dồi dào, kỹ thuật cao.

 **C.**  quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

 **D.**  thị trường tiêu thụ ngày càng mở rộng.

**Câu 37:**  Giải pháp chủ yếu để phát huy thế mạnh của nền nông nghiệp nhiệt đới nước ta là

 **A.**  chú trọng bảo quản nông sản, chuyên môn hóa sản xuất.

 **B.**  sử dụng các giống cây ngắn ngày, đẩy mạnh thâm canh.

 **C.**  đa dạng tổ chức sản xuất, áp dụng khoa học công nghệ.

 **D.**  phát triển nông sản xuất khẩu, thay đổi cơ cấu mùa vụ.

**Câu 38:**  Việc hình thành các vùng kinh tế trọng điểm ở nước ta nhằm mục đích

 **A.**  giảm sự cách biệt về trình độ phát triển kinh tế-xã hội giữa các vùng.

 **B.**  tạo điều kiện để đầu tư có trọng điểm khi nguồn vốn của nước ta có hạn.

 **C.**  tạo ra các trung tâm kinh tế hạt nhân để phát triển cho từng vùng.

 **D.**  thu hút đầu tư của nước ngoài vào nước ta để khai thác nguồn tài nguyên.

**Câu 39:**  Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây làm cho việc phát triển tổng hợp kinh tế biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ đa dạng hơn so với Bắc Trung Bộ?

 **A.**  Nguồn tài nguyên biển phong phú và đa dạng hơn.

 **B.**  Nguồn lao động đông và có trình độ kĩ thuật cao.

 **C.**  Thu hút được nhiều dự án, vốn đầu tư nước ngoài.

 **D.**  Cơ sở vật chất kĩ thuật, cơ sở hạ tầng rất phát triển.

**Câu 40:**  Nhân tố nào sau đây là chủ yếu nhất làm cho Hà Nội và TP Hồ Chí Minh có công nghiệp chế biến sữa phát triển mạnh?

 **A.**  Lao động có kĩ thuật cao.

 **B.**  Cơ sở vật chất, kĩ thuật tốt.

 **C.**  Giao thông vận tải phát triển.

 **D.**  Thị trường tiêu thụ rộng lớn.

**------ HẾT ------**